

Số: 43 /2017/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 145/TTr-STP ngày 29/9 /2017 và Công văn số 1910/STP-XDKTVB ngày 18/10/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2017 và thay thế Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 12/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

QUY ĐỊNH

**Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nội dung chi, mức chi, trách nhiệm lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm các văn bản sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện), Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng kinh phí

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện đối với các văn bản theo kế hoạch, chỉ đạo, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí phải thực hiện chi đúng nội dung, tiết kiệm và hiệu quả theo quy định.

Chương II
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đơn vị tính: Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản				
a	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân				
	Nghị quyết mới hoặc thay thế	Đề cương	1.200.000	1.100.000	1.000.000
	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Đề cương	800.000	750.000	700.000
b	Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	Quyết định mới hoặc thay thế	Đề cương	1.100.000	1.000.000	950.000
	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Đề cương	700.000	650.000	600.000
2	Chi soạn thảo văn bản				
a	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân				
	Nghị quyết mới hoặc thay thế	Dự thảo văn bản	4.200.000	4.150.000	4.100.000
	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	3.700.000	3.650.000	3.600.000
b	Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	Quyết định mới hoặc thay thế	Dự thảo văn bản	3.400.000	3.350.000	3.300.000
	Quyết định sửa đổi, bổ sung	Dự thảo văn bản	2.900.000	2.850.000	2.800.000
3	Chi báo cáo đánh giá tác động chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản: 2.000.000 đồng/báo cáo				
4	Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản				

a	Báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý	Báo cáo	250.000	200.000	100.000
b	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	Báo cáo	350.000	300.000	150.000
5	Báo cáo nhận xét, đánh giá, phản biện của chuyên gia độc lập; báo cáo của thành viên tham gia thẩm định, thẩm tra; báo cáo tham luận độc lập theo đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản				
a	Đối với dự thảo Nghị quyết, Quyết định mới hoặc thay thế	Báo cáo	350.000	300.000	250.000
b	Đối với Nghị quyết, Quyết định sửa đổi, bổ sung	Báo cáo	300.000	250.000	200.000
6	Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản				
a	Văn bản góp ý: 250.000 đồng/văn bản				
b	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra	Báo cáo	500.000	400.000	300.000
7	Chi chỉnh lý hoàn thiện dự thảo văn bản: 200.000 đồng/lần chỉnh lý				
8	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật				
a	Chủ trì : 150.000 đồng/người/cuộc họp				
b	Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/cuộc họp				
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: 200.000 đồng/văn bản				

9. Trường hợp các nội dung chi, mức chi tại Điều 3 Quy định này vượt định mức phân bổ tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ kịp thời cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản do cơ quan, đơn vị mình thực hiện.

Điều 4 . Các nội dung chi và mức chi khác

1. Chi báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết

toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Ngoài các nội dung chi và mức chi quy định tại Điều 3 Quy định này, các mức chi cho những nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào thì do ngân sách cấp đó tự bảo đảm và tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngoài kế hoạch dự kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan chủ trì soạn thảo phải kịp thời thông báo đến cơ quan tư pháp, tài chính cùng cấp để tổng hợp bổ sung kinh phí thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho đơn vị mình.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật đã được dự toán kinh phí nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không hết thì nguồn kinh phí này được sử dụng chi cho văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngoài kế hoạch của đơn vị trong năm đó (nếu có). Trường hợp không có văn bản ban hành ngoài kế hoạch thì kinh phí đã được dự toán sẽ được hoàn trả lại theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp cuối năm văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành thì được chuyển kinh phí tương ứng sang sử dụng và quyết toán vào năm sau.

4. Trên cơ sở dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm, cơ quan tài chính phân bổ nguồn kinh phí cho cơ quan lập dự toán.

Điều 6. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm ước tính số lượng văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị mình tham mưu; lập dự toán kinh phí theo mức chi tại Chương II của Quy định này gửi cơ quan tài chính, cơ quan tư pháp cùng cấp thẩm định, phân bổ.

Riêng đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

2. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

a) Việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán.

b) Việc sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo đúng chứng từ, hợp lệ theo quy định.

c) Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thực chi nội dung nào thì hạch toán vào mục chi tương ứng của mục lục ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 7. Hồ sơ thực hiện thanh quyết toán

1. Đối với các cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ gồm bản sao các văn bản:

a) Một trong những văn bản sau:

- Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị;

- Văn bản chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh hoặc văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh đối với đề nghị xây dựng Quyết định của UBND tỉnh;

b) Nghị quyết, Quyết định đã được ký ban hành;

c) Báo cáo tổng hợp; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý dự thảo văn bản;

d) Báo cáo đánh giá tác động chính sách, (nếu có); báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo (nếu có);

đ) Các biên bản cuộc họp, danh sách chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật (nếu có), hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ gồm:

a) Danh mục văn bản góp ý, văn bản thẩm định có đóng dấu, chữ ký của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

b) Bản sao hoặc bản chính văn bản góp ý, thẩm định, thẩm tra để kiểm tra, đối chiếu.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp. Cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng với nội dung chi và mức chi tại Điều 3 Quy định này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Điều 8. Việc lập dự toán và thanh, quyết toán liên quan đến công tác chính lý và thẩm tra nghị quyết của các Ban thuộc Hội đồng nhân dân thì trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch), Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do cấp mình thực hiện.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định và phân bổ dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho các cơ quan, đơn vị; phối hợp với Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí được cấp.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ trì tổng hợp, phối hợp cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định dự toán kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

a) Xây dựng kế hoạch tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật và dự toán kinh phí cho từng văn bản quy phạm pháp luật gửi cơ quan tài chính và cơ quan tư pháp cùng cấp.

b) Báo cáo kết quả về tình hình quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về cơ quan tư pháp cùng cấp để đảm bảo cho hoạt động theo dõi tình hình quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

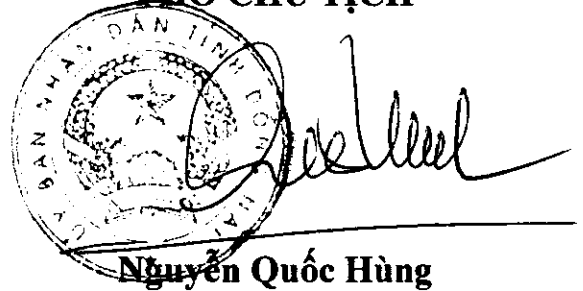
c) Thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Chương IV**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trước ngày 31/12/2017 thì nội dung chi và mức chi thực hiện theo Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 12/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng